

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 22 tháng 6 năm 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hải

2. Bà Lê Thị Thiết

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu X, thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị đơn: Anh Lương Văn Th1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản P, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2022, được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Văn Th trình bày:

Ngày 29/10/2015, anh cho anh Lương Văn Th1 vay 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng), giữa anh và anh Th1 có viết Giấy nhận vay tiền, trong đó thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 29/10/2015 đến ngày 29/10/2016, tuy nhiên khi viết giấy vay tiền do sơ suất nên viết thành thời hạn vay từ ngày

29/10/2015 đến ngày 29/10/2015); hai bên thống nhất tiền lãi anh Th1 phải trả cho anh là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng trên một tháng).

Sau khi vay tiền của anh, mặc dù anh thường xuyên thúc giục, yêu cầu trả tiền lãi và tiền gốc khi đến hạn nhưng anh Th1 không trả cho anh đồng nào mà tìm cách khất nợ nhiều lần.

Do không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, nên đến ngày 16/6/2021, anh Th1 đã viết Giấy khất nợ, trong đó: Anh Th1 công nhận ngày 29/10/2015 vay của anh 440.000.000 đồng, từ đó cho đến ngày 16/6/2021 anh Th1 chưa trả tiền gốc và chưa trả đủ số tiền lãi hàng tháng như đã thỏa thuận; anh Th1 cam kết đến ngày 16/7/2021 sẽ trả cho anh toàn bộ số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015, nhưng đến nay anh Th1 không thực hiện đúng như nội dung đã cam kết.

Tính đến nay, anh Th1 mới trả cho anh được tổng số tiền lãi là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), cụ thể: Ngày 15/6/2018 trả 4.000.000 đồng; ngày 07/7/2018 trả 2.000.000 đồng; ngày 07/10/2018 trả 2.000.000 đồng; ngày 01/01/2019 trả 3.000.000 đồng; ngày 13/7/2019 trả 5.000.000 đồng; ngày 25/11/2020 trả 5.000.000 đồng và ngày 18/01/2023 trả 1.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, anh Phạm Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lương Văn Th1 trả nợ cho anh, cụ thể như sau:

- Số tiền gốc vay ngày 29/10/2015 là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*);

- Số tiền lãi theo thỏa thuận là 4.000.000 đồng/tháng x 84 tháng = 336.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Tổng cả gốc và lãi là: 440.000.000 đồng + 336.000.000 đồng = 776.000.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Tại phiên tòa, anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lương Văn Th1 trả nợ cho anh, cụ thể:

- Số tiền gốc vay ngày 29/10/2015 là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*);

- Đối với tiền lãi, anh Th đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 29/10/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 22/6/2023 tính tròn là 91,5 tháng. Số tiền lãi là 440.000.000 đồng x 0,83% x 91,5 tháng = 334.158.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tư triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

- Anh Th chấp nhận trừ 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) anh Th1 đã trả vào tiền lãi còn nợ và tự nguyện giảm thêm cho anh Th1 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) tiền lãi, tổng cộng là 76.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu đồng*). Số tiền lãi còn lại là: 334.158.000 đồng - 76.000.000 đồng = 258.158.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Tổng cả gốc và lãi anh Th1 còn phải trả cho anh là 440.000.000 đồng + 258.158.000 đồng = 698.158.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trong Bản khai báo đề ngày 10/12/2022, được bổ sung trong biên bản hòa giải, bị đơn là anh Lương Văn Th1 trình bày:

Anh công nhận anh có vay tiền của anh Phạm Văn Th như nội dung khởi kiện của anh Th là đúng. Anh công nhận chữ ký ở phần người vay trong Giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015 và chữ ký ở phần bên vay trong Giấy khát nợ ngày 16/6/2021 mà anh Th cung cấp cho Tòa án đối với khoản tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) là chữ ký của anh, anh không có khiếu nại hay thắc mắc gì. Tính đến buổi hòa giải ngày 13/02/2023, anh đã trả cho anh Th được 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) tiền lãi. Như vậy, số tiền anh còn nợ anh Th, cụ thể: Tiền gốc là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) và số tiền lãi còn nợ là 314.000.000 đồng (*Ba trăm mười bốn triệu đồng*), tổng cộng là 754.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi tư triệu đồng*). Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập thấp nên anh đề nghị anh Th xem xét giảm số tiền lãi cho anh để anh có điều kiện trả nợ cho anh Th.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lương Văn Th1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn cư trú tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lương Văn Th1 không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS để xét xử vắng mặt anh Th1.

[3]. Xét yêu cầu của anh Phạm Văn Th, thấy: Căn cứ lời trình bày của anh Th, sự thừa nhận của anh Th1 phù hợp với nội dung Giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015 và Giấy khát nợ ngày 16/6/2021 do anh Th giao nộp có chữ ký của anh Th1. Do đó, có cơ sở xác định, ngày 29/10/2015, anh Th1 vay của anh Th 440.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 29/10/2016. Do anh Th1 thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong Giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015, nên đến ngày 16/6/2021 anh Th1 đã xin khát nợ và cam kết đến ngày 16/7/2021 anh Th1 trả đủ cả gốc và lãi cho anh Th, nhưng anh Th1 không thực hiện cam kết. Theo nội dung thỏa thuận giữa anh Th và anh Th1 thì hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn, nhưng khi đến hạn trả nợ anh Th1 không trả tiền gốc và không trả đủ tiền lãi cho anh Th như thỏa

thuận. Như vậy, anh Th1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS). Anh Th yêu cầu anh Th1 trả cho anh số tiền gốc đã vay ngày 29/10/2015 là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh Th1 phải trả cho anh Th số tiền gốc đã vay ngày 29/10/2015 là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*).

[4]. Về lãi và lãi suất:

- Hợp đồng vay tài sản giữa anh Th và anh Th1 được lập trước ngày 01/01/2017 và hợp đồng đang được thực hiện; theo nội dung hợp đồng thì hai bên có thỏa thuận về lãi nhưng không rõ mức lãi suất, nay anh Th yêu cầu mức lãi suất là 0,83%/tháng; đến ngày 15/6/2018 anh Th1 mới bắt đầu trả một phần tiền lãi cho anh Th. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì thỏa thuận giữa các bên và yêu cầu về mức lãi suất của anh Th phù hợp với quy định của BLDS năm 2015, nên áp dụng quy định của BLDS năm 2015 để giải quyết về lãi và lãi suất là phù hợp.

- Về lãi và lãi suất anh Th yêu cầu: Căn cứ giấy vay tiền ngày 29/10/2015 thì hai bên có thỏa thuận về lãi nên hợp đồng vay tài sản giữa anh Th và anh Th1 được xác định là hợp đồng vay có lãi. Nhưng hai bên chỉ thỏa thuận hàng tháng anh Th1 phải trả cho anh Th cả gốc và lãi bình quân là 4.000.000 đồng, trong đó không xác định rõ bao nhiêu tiền gốc và bao nhiêu tiền lãi. Do đó, thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất và các bên có tranh chấp, nên lãi suất trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS tại thời điểm trả nợ (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 10%/năm. Đối với lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả, do lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận không rõ ràng, cụ thể và không có thỏa thuận về lãi suất quá hạn nên mức lãi suất quá hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS là 10%/năm. Nay anh Th yêu cầu áp dụng lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cùng một mức là 0,83%/tháng là phù hợp nên chấp nhận. Do anh Th1 trả lãi chưa đầy đủ, nên anh Th1 phải chịu bao gồm cả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

- Về thời gian tính lãi:

Khoảng thời gian từ ngày 29/10/2015 đến ngày 29/10/2016: Theo nội dung Giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015 và Giấy khất nợ ngày 16/6/2021 thì thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 29/10/2015 đến ngày 29/10/2016, trong khoảng thời gian này anh Th1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi nên anh Th yêu cầu anh Th1 phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, với thời gian tính lãi tính lãi 12 tháng là phù hợp, nên chấp nhận.

Khoảng thời gian từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2023: Theo nội dung Giấy nhận vay tiền ngày 29/10/2015 thì từ ngày 30/10/2016 đã quá hạn trả nợ nhưng anh Th1 không trả tiền gốc và chưa trả đủ tiền lãi cho anh Th nên anh Th yêu cầu anh Th1 phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, với thời gian tính lãi từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/6/2023 tính tròn là

79,5 tháng là phù hợp, nên chấp nhận.

Do anh Th yêu cầu lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cùng một mức, nên tổng thời gian tính lãi là 91,5 (*Chín mươi một phẩy năm*) tháng là phù hợp nên chấp nhận.

- Về số tiền gốc làm căn cứ tính lãi: Tổng số tiền vay ngày 29/10/2015 là 440.000.000 đồng, đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 22/6/2023, anh Th1 chưa trả cho anh Th được đồng nào, nên anh Th yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền 440.000.000 đồng với thời gian và lãi suất đã nêu trên là phù hợp, nên chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là $440.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 91,5 \text{ tháng} = 334.158.000 \text{ đồng}$ (*Ba trăm ba mươi tư triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Tính đến thời điểm anh Th1 trả nợ cho anh Th thì số tiền anh Th1 đã trả 22.000.000 đồng còn ít hơn số tiền lãi anh Th1 phải trả cho anh Th, nên chấp nhận trừ 22.000.000 đồng vào tiền lãi; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th giảm thêm cho anh Th1 54.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, chấp nhận trừ tổng số tiền 76.000.000 đồng vào số tiền lãi mà anh Th1 phải trả cho anh Th, số tiền lãi còn lại anh Th1 tiếp tục phải trả là 258.158.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Tổng số tiền gốc và lãi anh Th1 phải trả cho anh Th là $440.000.000 \text{ đồng} + 258.158.000 \text{ đồng} = 698.158.000 \text{ đồng}$ (*Sáu trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

[5] Về án phí: Anh Th1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì toàn bộ yêu cầu anh Th được Tòa án chấp nhận. Anh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 1, 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 273 của BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Th. Buộc anh Lương Văn Th1 phải trả cho anh Phạm Văn Th khoản tiền vay ngày 29/10/2015, gồm: Tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi là 258.158.000 đồng, tổng cộng là 698.158.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Lương Văn Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.907.000 đồng (*Ba mươi tư triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng*).

Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0015729 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Phạm Văn Th; vắng mặt bị đơn Lương Văn Th1. Anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Th1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám